|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /TTr-BKHCN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |
|  |  |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số**

DỰ THẢO

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 14/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định) với những nội dung như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

## 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

### 1.1. Cơ sở chính trị

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã luôn quan tâm đến việc hoàn thiện, xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trong nước. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện thể chế về công nghiệp công nghệ số. Cụ thể như sau:

a) Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định:

- Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng, ...; rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về ..., bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan.

- Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: …; công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; tăng cường chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hóa trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa.

- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số.

Kế hoạch số 13-KH/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy nhanh việc thể chế hoá, cụ thể hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, …”.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải pháp:

- Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 4G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, ... viễn thông và công nghệ thông tin, ...

- Quan tâm đầu tư đúng mức nghiên cứu khoa học cơ bản; tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lõi, công nghệ số; nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, ...

c) Tại Khoản 3 Mục III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định:

- Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; …; ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: công nghệ thông tin và truyền thông,…

- Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.

d) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định quan điểm, giải pháp, nhiệm vụ:

- Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo; đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, phát triển sản xuất các sản phẩm, thiết bị thông minh.

- Giai đoạn đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp như: công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tạo ra nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển các thế hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông.

- Phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số (4G, 5G) bảo đảm an toàn, đồng bộ đáp ứng yêu cầu Internet kết nối con người và kết nối vạn vật.

đ) Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều chủ trương về phát triển công nghiệp công nghệ số như:

- Mục tiêu đến 2030: “… nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.”.

- Mục tiêu đến năm 2045: “…là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến…”.

### 1.2. Cơ sở pháp lý

a)Ngày 14/6/2025, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật Công nghiệp công nghệ số. Trong đó, khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 20 giao Chính phủ quy định chi tiết về (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số, (2) Tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, (3) Thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.

b) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: “Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; “đề cao phương pháp “quản lý thảo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”

## 2. Cơ sở thực tiễn

### 2.1. Cập nhật hoàn thiện hành lang pháp lý về công nghiệp công nghệ số

Luật Công nghiệp công nghệ số đã khẳng định *“Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế - kỹ thuật dựa trên sự kết hợp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; là bước phát triển tiếp theo của công nghiệp công nghệ thông tin”*. Do vậy, để hoàn thiện hành lang pháp lý công nghiệp công nghệ số cần có những quy định để cập nhật, làm rõ các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên cơ sở pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin.

### 2.2. Giải quyết các vấn đề thực tiễn chưa có quy định pháp luật điều chỉnh

Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được quy định trong Luật Công nghiệp công nghệ số và thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tuy nhiên, chưa có quy định, hướng dẫn chi tiết để triển khai nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

### 2.3. Giải quyết các khó khăn, vướng mắc

Trong thời gian qua vấn đề thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao còn chưa hiệu quả và gặp nhiều khó khăn. Luật Công nghiệp công nghệ số quy định các chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số, tuy nhiên, để tổ chức thực thi hiệu quả các quy định của Luật, Chính phủ cần có các hướng dẫn chi tiết các biện pháp thi hành nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc về phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp công nghệ số, đặc biệt là vấn đề thu hút, trọng dụng và ưu đãi cho nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số.

# II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

## 1. Mục đích ban hành Nghị định

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về công nghiệp công nghệ số. Phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế đóng góp lớn vào kinh tế đất nước; tạo môi trường thuận lợi nhất để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Quy định chi tiết nội dung của Luật Công nghiệp công nghệ số về hoạt động công nghiệp công nghệ số; tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.

- Quy định biện pháp thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

## 2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

*Một là,* tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia …

*Hai là,* khắc phục các hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật về công nghiệp CNTT trước đây và đề xuất chính sách khả thi nhằm quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đặc biệt cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; tạo cơ chế ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số, trong đó có một số đặc biệt ưu đãi đầu tư; và ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt.

*Ba là,* hoàn thiện hành lang pháp lý công nghiệp công nghệ số trên cơ sở quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số và kế thừa có chọn lọc các quy định còn phù hợp của các văn bản pháp luật về công nghiệp CNTT, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho thực thi, áp dụng.

*Bốn là,* tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm quốc tế để vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp 4.0 và kinh tế số nói riêng, đặc biệt là tham khảo, học tập quy định quản lý những công nghệ mới tại các đạo luật của Châu Á, Châu Âu, Hoa Kỳ, …

# III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai các công việc sau:

**1.** Thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị định (Quyết định số 2117/QĐ-BKHCN ngày 09/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ). Tổ soạn thảo có sự tham gia của đầy đủ các bộ, ngành, địa phương, hội, hiệp hội và đại diện một số doanh nghiệp công nghệ số.

**2.** Gửi Công văn số ……. ngày ……. xin ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định..

**3.** Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và gửi xin ý kiến góp ý (lần 2) của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp tại Công văn số …./BKHCN-CN ngày …/8/2025.

**4.** Ngày …, Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số …/BKHCN-CN kèm theo hồ sơ Nghị định đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp đã tổ chức họp ngày… và có Báo cáo thẩm định số…/BCTĐ-BTP ngày…

**5.** Bộ Khoa học và Công nghệ đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (tại Báo cáo số … /BC-BKHCN ngày … gửi kèm theo) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

# IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

## 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 19, khoản 3 Điều 20 của Luật Công nghiệp công nghệ số về hoạt động công nghiệp công nghệ số; tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài công nghệ số.

- Biện pháp thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số.

### 1.2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam.

## 2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 chương và 30 điều, cụ thể:

Chương I – Những quy định chung (gồm 02 điều, từ Điều 1 và Điều 2).

Chương II – Hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (gồm 02 điều, từ Điều 3 đến Điều 4).

Chương III. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số (gồm 03 điều, từ Điều 5 đến Điều 7).

Chương IV – Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (gồm 21 điều, từ Điều 8 đến Điều 28).

Chương V – Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, từ Điều 29 và Điều 30).

Phụ lục – (gồm 10 Biểu mẫu).

## 3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

### 3.1. Hoạt động công nghiệp công nghệ số, s****ản phẩm, dịch vụ công nghệ số****

Nghị định quy định giao Bộ Khoa học và Công nghệ định kỳ ban hành danh mục chi tiết các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và hướng dẫn tổ chức thực hiện; quy định về hỗ trợ, ưu đãi đối với hoạt động công nghiệp công nghệ số và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại Điều 28 của Luật Công nghiệp công nghệ số; ưu đãi đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số theo quy định tại Điều 16 của Luật Công nghiệp công nghệ số; đồng thời, quy định căn cứ điều kiện thực tiễn, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn việc xác định hoạt động công nghiệp công nghệ số để được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật.

### 3.2. ****Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số****

Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được xác định là một trong những yếu tố then chốt để thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành. Để chi tiết hóa chính sách phát triển nguồn nhân lực trong Luật Công nghiệp công nghệ số, Nghị định cũng quy định các tiêu chí để xác định nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số, bao gồm cả những cá nhân có thu nhập cao, các chuyên gia kỹ thuật với kinh nghiệm quốc tế, cũng như các nhà sáng lập và chuyên gia trong các lĩnh vực công nghệ tiên tiến. Quy định này góp phần thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước trong việc thu hút trọng dụng nhân tài phục vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình.

### 3.3. Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số

Một trong những nội dung quan trọng của dự thảo Nghị định là quy định để triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số sẽ thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nghị định sẽ quy định chi tiết quy trình, thủ tục triển khai cụ thể cơ chế thử nghiệm này.

Mục tiêu của cơ chế thử nghiệm này là tạo ra một môi trường thuận lợi để đánh giá rủi ro, chi phí, lợi ích của các sản phẩm và dịch vụ mới, đồng thời hạn chế các rủi ro có thể phát sinh khi áp dụng các công nghệ mới vào thực tế. Các sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm cần đáp ứng các yêu cầu cụ thể về tính đổi mới sáng tạo, khả năng mang lại giá trị gia tăng cho người sử dụng và khả năng mở rộng ra thị trường sau khi hoàn thành thử nghiệm.

Các cơ quan có thẩm quyền sẽ là đơn vị xét duyệt các hồ sơ đăng ký thử nghiệm và quyết định cho phép thử nghiệm đối với các sản phẩm, dịch vụ này. Thử nghiệm sẽ được thực hiện trong một thời gian, không gian và phạm vi nhất định, tùy thuộc vào đặc điểm của sản phẩm và yêu cầu quản lý. Thời gian thử nghiệm tối đa sẽ là 03 năm, và có thể gia hạn thêm 03 năm nếu cần thiết.

Trong suốt quá trình thử nghiệm, các tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm phải thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát rủi ro, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, và tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật dữ liệu. Cơ quan có thẩm quyền cũng sẽ giám sát và kiểm tra thường xuyên để đảm bảo quá trình thử nghiệm tuân thủ đúng quy định. Nếu phát hiện các vấn đề nghiêm trọng, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định tạm dừng hoặc kết thúc thử nghiệm.

Kết quả của thử nghiệm sẽ là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước xem xét và đánh giá rủi ro, từ đó đưa ra quyết định chính thức về việc áp dụng các sản phẩm, dịch vụ này vào thực tế. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát giúp tạo điều kiện cho việc đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ trong ngành công nghiệp công nghệ số, đồng thời bảo vệ người tiêu dùng và đảm bảo an toàn cho xã hội.

# V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

# VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

**1. Về bảo đảm nguồn nhân lực**

a) Việc triển khai Nghị định không làm phát sinh biên chế do sử dụng công chức, viên chức hiện có đang thực hiện quản lý nhà nước và triển khai thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số.

b)Về bảo đảm nguồn kinh phí:Kinh phí bảo đảm thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước quy định tại Nghị định được cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

**2. Thời gian trình Chính phủ**: trước ngày **30/9/2025.**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(*Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (3) Bảng tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với dự thảo Nghị định (góp ý lần 1); (4) Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định với các dự thảo Nghị định hiện hành).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Bộ KH&CN: Cục CNCNTT; Vụ PC, VP Bộ;  - Lưu: VT, CNCNTT. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |